

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 99

GIẢI THÍCH PHẨM TÁM MƯƠI CHÍN: ĐÀM-VÔ-KIỆT

KINH: Bấy giờ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt nói với Tát-đà-ba-luân rằng: Này thiện nam tử! Chư Phật không từ đâu đến, cũng không đi về đâu. Vì sao? Vì các pháp như như bất động; các pháp như tức là Phật. Này thiện nam tử! Pháp vô sinh không đến không đi; pháp vô sinh tức là Phật. Pháp vô diệt không đến không đi; pháp vô diệt tức là Phật. Pháp thật tế không đến không đi; pháp thật tế tức là Phật. Không, không đến không đi; Không tức là Phật. Này thiện nam tử! Không nhiễm không đến, không đi; không nhiễm tức là Phật. Tịch diệt không đến, không đi; tịch diệt tức là Phật. Tính hư không không đến, không đi; tính hư không tức là Phật. Này thiện nam tử! Lìa các pháp ấy lại không có Phật. Như của Chư Phật, như của các pháp là một như, không có phân biệt. Này thiện nam tử! Như ấy thường một, không hai, không ba, ra ngoài pháp số, không có sở hữu. Thí như ánh trăng vào lúc cuối xuân và khi giữa ban ngày nóng bức, có người thấy ánh nắng lung linh, bèn chạy theo tìm, mong có được nước, ý ông nghĩ sao, nước ấy từ ao, từ núi hay từ suối đến? Nay nó đi về đâu? Hoặc vào biển Đông, biển Tây, biển Nam hay biển Bắc?

Tát-đà-ba-luân thưa: Thưa đại sư! Giữa ánh nắng còn không có nước, làm sao có chỗ đến, chỗ đi?

Đàm-vô-kiệt nói với Tát-đà-ba-luân rằng: Này thiện nam tử! Người ngu vô trí vì nóng khát bức bách, thấy ánh nắng lung linh, không có nước mà tưởng là nước. Này thiện nam tử! Có người phân biệt chư Phật có đến có đi, nên biết người ấy đều là kẻ ngu. Vì sao? Vì chư Phật

không thể thấy bằng sắc thân; mà pháp của chư Phật không đến không đi. Chỗ chư Phật đến, chỗ chư Phật đi cũng như vậy; thí như vị thầy huyền thuật, huyền làm ra các đồ vật hoặc voi, hoặc ngựa, hoặc trâu dê, hoặc trai gái; các đồ vật như vậy, ý ông nghĩ sao? Việc huyền ấy từ chỗ nào đến và đến chỗ nào?

Tát-đà-ba-luân đáp: Thưa đại sư, việc huyền còn không thật, làm sao có chỗ đến, chỗ đi?

Này thiện nam tử! Người phân biệt Phật có đến có đi cũng như vậy. Thí như trong mộng thấy voi ngựa, trâu, dê, trai gái, ý ông nghĩ sao, các vật trong thấy trong mộng ấy có chỗ đến, chỗ đi chăng?

Tát-đà-ba-luân thưa: Thưa đại sư, các vật thấy trong mộng là hư dối, làm sao có đến có đi?

Này thiện nam tử! Người phân biệt Phật có đến có đi cũng như vậy. Phật nói các pháp như mộng, nếu có chúng sinh không biết nghĩa của pháp ấy, dùng danh từ sắc thân mà đấm trước Phật, người ấy phân biệt chư Phật có đến có đi, vì không biết thật tướng các pháp nên đều là ở trong số kẻ ngu vô trí. Người ấy thường thường qua lại trong năm đường sinh tử, xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật, xa lìa Phật pháp. Này thiện nam tử! Phật nói các pháp như huyền, như mộng. Nếu có chúng sinh biết như thật thì người ấy không phân biệt các pháp hoặc đến hoặc đi hoặc sinh hoặc diệt; nếu không phân biệt các pháp hoặc đến hoặc đi hoặc sinh hoặc diệt thì có thể biết thật tướng các pháp của Phật nói. Người ấy hành Bát-nhã Ba-la-mật gần Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, gọi là chân Phật tử, không hư dối, khi thọ dụng của tín thí, người ấy đáng hưởng thọ cúng dường, làm ruộng phước cho thế gian. Thí như các châu báu trong biển nước lớn, không từ phương Đông đến, không từ phương Nam, Tây, Bắc, bốn góc trên dưới đến, mà do căn lành của chúng sinh nên biển sinh các thứ châu báu ấy. Châu báu ấy cũng chẳng phải không có nhân duyên sinh, châu báu ấy đều từ nhân duyên hòa hợp sinh. Châu báu ấy nếu diệt cũng không đi đến mười phương; do duyên hợp nên có, duyên tan rồi nên diệt. Này thiện nam tử! Thân chư Phật cũng như vậy, từ nhân duyên bản nghiệp mà có quả báo sinh; sinh không từ mười phương đến, diệt cũng không đi đến mười phương; chỉ các duyên hợp nên có, các duyên li tán nên diệt. Thí như tiếng đàn Không hầu, khi đi ra không có chỗ đến, khi diệt không có chỗ đi, đủ nhân duyên hòa hợp thì có, như có bầu, có cổ, có da, có dây, có trụ, có nút vặn và có người lấy tay gảy, đủ các duyên hòa hợp như vậy thì có tiếng. Tiếng ấy không từ bầu ra, không từ cổ ra, không từ da ra, không từ dây ra, không từ trục

ra, cũng không từ tay người ra, đủ các nhân duyên hòa hợp nên có tiếng. Khi nhân duyên xa lìa thì không có chỗ đi. Nay thiện nam tử! Thân chư Phật cũng như vậy, từ vô lượng công đức sinh ra, không từ một nhân, một duyên hay một công đức sinh; cũng chẳng phải không có nhân duyên mà có, đủ các duyên hòa hợp nên có. Thân chư Phật không chỉ từ một việc thành, đến không từ đâu đến, đi không đến đâu. Nay thiện nam tử! Nên như vậy biết tướng đi tướng đến của chư Phật, cũng nên biết hết thấy pháp không có tướng đến đi. Nếu người biết chư Phật và các pháp không đến không đi, không sinh không diệt thì chắc chắn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng có thể hành Bát-nhã Ba-la-mật và sức phương tiện.

Bấy giờ trời Đế-thích lấy hoa Mạn-đà-la trời cho Tát-đà-ba-luân, nói rằng: Nay thiện nam tử! Dùng hoa này cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, ta sẽ thủ hộ cúng dường ngài, vì sức nhân duyên của ngài mà ngày nay làm lợi ích trăm ngàn vạn ức chúng sinh khiến được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nay thiện nam tử! Người lành như vậy rất là khó gặp, vì lợi ích chúng sinh nên trải qua vô lượng vô số kiếp chịu siêng năng khổ nhọc.

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân nhận hoa Mạn-đà-la của trời Đế-thích đem rãi trên Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, thưa rằng: Thưa đại sư! Con từ nay thân này thuộc về đại sư, cung cấp cúng dường. Thưa như vậy rồi chấp tay đứng trước đại sư. Khi ấy người con gái của vị trưởng giả và năm trăm người hầu gái cũng thưa Tát-đà-ba-luân rằng: Thân chúng tôi từ nay cũng thuộc về đại sư. Nhờ nhân duyên thiện căn này mà chúng tôi sẽ được pháp như vậy, cũng như đại sư đã được. Cùng với đại sư đời đời cúng dường chư Phật, đời đời thường cúng Phật. Khi ấy Tát-đà-ba-luân nói với người con gái của vị trưởng giả và năm trăm người hầu gái rằng: Nếu các chị đem tâm thành kính thuộc về ta thì ta sẽ thọ nhận. Các người con gái nói: Chúng tôi đem tâm thành kính thuộc về thầy, theo thầy dạy bảo. Khi ấy Tát-đà-ba-luân đem người con gái của trưởng giả, năm trăm cô gái và đem theo vật báu trang nghiêm, đồ cúng dường thượng diệu và năm trăm cỗ xe báu dâng lên Bồ-tát Đàm-vô-kiệt và thưa rằng: Thưa đại sư! Con đem người con gái trưởng giả, năm trăm người con gái này và năm trăm cỗ xe phụng cấp đại sư, tùy đại sư sử dụng.

Bấy giờ trời Đế-thích khen ngợi Tát-đà-ba-luân rằng: Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Bồ-tát nên bỏ hết thấy của cải như vậy. Bồ thí như vậy, mau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Cúng dường

người thuyết pháp như vậy chắc chắn được nghe Bát-nhã Ba-la-mật và sức phương tiện. Chư Phật quá khứ khi xưa hành đạo Bồ-tát cũng bố thí như vậy mà được nghe Bát-nhã Ba-la-mật và sức phương tiện, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ, Đàm-vô-kiệt muốn khiến cho thiện căn Tát-đà-ba-luân đầy đủ, nên thọ nhận năm trăm cỗ xe, người con gái trưởng giả và năm trăm người hầu gái; thọ nhận rồi cho trao lại Tát-đà-ba-luân.

Khi ấy Đàm-vô-kiệt thuyết pháp đến hết ngày, rồi đứng dậy đi vào cung. Tát-đà-ba-luân nghĩ rằng: Ta vì pháp mà đi đến, không nên ngồi nằm, nên dùng hai việc hoặc đi hoặc đứng để đợi pháp sư từ trong cung đi ra thuyết pháp. Bấy giờ Đàm-vô-kiệt trong bảy năm nhất tâm vào vô lượng vô số tam-muội của Bồ-tát, hành Bát-nhã Ba-la-mật và sức phương tiện. Tát-đà-ba-luân bảy năm kinh hành, đứng mãi không nằm, không ngồi, không ngủ nghỉ, không có dục, sân hận bức não, tâm không đắm vị, chỉ nghĩ tới Bồ-tát Đàm-vô-kiệt lúc nào sẽ từ tam-muội dậy, đi ra thuyết pháp. Tát-đà-ba-luân qua bảy năm nghĩ rằng: Ta sẽ vì Đàm-vô-kiệt mà trải pháp tòa. Đàm-vô-kiệt sẽ ngồi trên tòa thuyết pháp, ta sẽ quét dọn đất cho sạch sẽ, rải các thứ hoa để trang nghiêm chỗ ấy, vì Bồ-tát Đàm-vô-kiệt sẽ thuyết Bát-nhã Ba-la-mật và sức phương tiện.

Khi ấy, Tát-đà-ba-luân cùng với người con gái của vị trưởng giả và năm trăm người hầu gái vì Bồ-tát Đàm-vô-kiệt mà trải giường bảy báu. Năm trăm người con gái cởi áo trên để trải trên tòa, nghĩ rằng: Đàm-vô-kiệt sẽ ngồi trên tòa này nói Bát-nhã Ba-la-mật và sức phương tiện. Tát-đà-ba-luân trải tòa rồi tìm nước, chùi đất mà không được. Vì cơ sao? Vì ác ma ngăn che làm cho nước không hiện. Ma nghĩ rằng: “Tát-đà-ba-luân tìm nước không được thì đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác sẽ sinh tâm yếu đuối, tâm đổi khác, thì căn lành không tăng trưởng, trí tuệ không soi sáng, đối với Nhất thiết trí bị chướng ngại.”

Bấy giờ Tát-đà-ba-luân nghĩ rằng: “Ta sẽ tự cắt thân mình lấy máu rửa đất, khiến đất không có bụi, làm nhớt đại sư, ta đâu dùng thân này, thân này chắc chắn sẽ hư hoại. Ta từ vô thủy sinh tử đến nay mà chưa từng vì pháp.” Liền lấy dao bén tự cắt thân ra máu, rửa đất. Tát-đà-ba-luân và con gái trưởng giả cùng năm trăm hầu gái đều không có tâm đổi khác. Ác ma cũng không thể làm gì được. Khi ấy trời Đế-thích nghĩ rằng: “Chưa từng có! Tát-đà-ba-luân mến mộ pháp đến như vậy, dùng dao tự rạch mình ra máu để rửa đất. Tát-đà-ba-luân và các người nữ tâm không chuyển động, ác ma Ba tuần không thể phá hoại căn lành của họ. Tâm kia kiên cố, phát thệ nguyện đại trang nghiêm không

tiếc thân mạng, vì tâm sâu xa muốn cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sẽ độ hết thảy chúng sinh thoát khỏi vô lượng khổ sinh tử.” Trời Đế-thích khen ngợi Tát-đà-ba-luân: Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Sức tinh tấn của Ngài rất lớn, kiên cố khó lay động, không thể nghĩ nghĩ. Ông ái mộ pháp cầu pháp rất là vô thượng. Nay thiện nam tử! Chư Phật quá khứ cũng như vậy, vì tâm ái mộ pháp sâu xa, tiếc pháp, quý trọng pháp mà chứa nhóm các công đức, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tát-đà-ba-luân nghĩ rằng: Ta nên vì Bồ-tát Đàm-vô-kiệt mà trải pháp tòa, rưới quét đất sạch sẽ xong sẽ đi đến chỗ nào tìm được hoa danh tiếng làm trang nghiêm chỗ đất này? Nếu Đàm-vô-kiệt khi ngồi trên pháp tòa thuyết pháp ta cũng sẽ trải hoa cúng dường. Trời Đế-thích biết tâm của Tát-đà-ba-luân nghĩ gì, liền lấy ba ngàn đầu hoa Mạn-đà-la trời đem cho Tát-đà-ba-luân. Tát-đà-ba-luân nhận hoa xong, lấy một nửa rải trên đất, để lại một nửa chờ Đàm-vô-kiệt khi ngồi trên pháp tòa thuyết pháp sẽ cúng dường.

Bấy giờ Đàm-vô-kiệt qua bảy năm rồi từ các tam-muội dậy, vì chúng nói Bát-nhã Ba-la-mật, có vô lượng trăm ngàn vạn ức chúng cung kính vây quanh, đi đến ngồi trên pháp tòa. Tát-đà-ba-luân khi thấy Đàm-vô-kiệt thì tâm rất vui vẻ; thí như Tỳ-kheo khi vào thiền thứ ba.

LUẬN: Tát-đà-ba-luân tuy biết các pháp Không, không có tướng đến, đi mà chưa thể vào sâu, nên cũng không hiểu các pháp môn. Vì đối với thân Phật quá cung kính, thâm trọng nên không thể quán Không; như sóng trên biển lớn, sức nó tuy lớn song đến bên núi Tu-di thì ngưng lại, không có tác dụng. Tát-đà-ba-luân cũng như vậy, tuy có tâm và trí lực lớn mà đến chỗ Phật thì cũng vô dụng. Thế nên Đàm-vô-kiệt vì Tát-đà-ba-luân nói cho biết chư Phật không từ đâu đến, đi không đến đâu. Trong kinh này Đàm-vô-kiệt tự nói nhân duyên: Các pháp như như bất động; các pháp như tức là Phật.

Hỏi: Thế nào là các pháp như?

Đáp: Thật tướng các pháp là tính Không, không có sở đắc; các pháp môn đều không v.v...

Hỏi: Đại Bát-nhã là pháp bậc nhất ở trong sáu Ba-la-mật của Phật pháp Đại thừa, nếu không có Phật thì không có người nói Bát-nhã. Ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình, mười lực, bốn điều không sợ, sắc pháp, vô sắc pháp và năm uẩn tịnh diệu hòa hợp nên gọi là Phật; như năm ngón tay hòa hợp gọi là bàn tay, không được nói không có bàn

tay. Danh từ đã khác thì hình tướng cũng khác, sức dùng cũng khác, không được nói không có bàn tay; thế nên nói có Phật?

Đáp: Không phải vậy. Trong Phật pháp có hai đế là thế đế và đệ nhất nghĩa đế. Theo thế đế nên nói Phật thuyết Bát-nhã Ba-la-mật; theo đệ nhất nghĩa đế nên nói Phật là không; không đến không đi. Như ông nói: Do năm uẩn thanh tịnh hòa hợp nên gọi là Phật, vì hòa hợp nên có, ấy tức là không có; như trong Kinh này Phật tự nói nhân duyên: Năm uẩn chẳng phải Phật, lìa năm uẩn cũng không có Phật; năm uẩn không ở trong Phật, Phật không ở trong năm uẩn; Phật chẳng phải do năm uẩn có. Vì sao? Vì năm uẩn là năm, Phật là một, một không thể làm năm, năm không thể làm một. Lại năm uẩn không có tự tính nên hư dối không thật. Phật tự nói: Đối với hết thấy pháp không hề lường dối, Ta là bậc nhất. Thế nên năm uẩn chẳng tức là Phật. Lại nữa, nếu năm uẩn tức là Phật thì ai có năm uẩn, lẽ đáng đều là Phật?

Hỏi: Vì nghi nạn ấy nên tôi trước nói, năm uẩn thanh tịnh bậc nhất và ba mươi hai tướng gọi là Phật?

Đáp: Ba mươi hai tướng v.v... khi làm Bồ-tát cũng có, cứ gì không gọi là Phật?

Hỏi: Bấy giờ tuy có thân tướng tốt đẹp trang nghiêm, mà không có trí Nhất thiết chủng. Nếu có trí Nhất thiết chủng ở trong thân sắc tốt đẹp bậc nhất ấy thì gọi là Phật?

Đáp: Trí Nhất thiết chủng ở trong Bát-nhã nói là tướng tịch diệt, không có hí luận. Nếu được pháp ấy là không có sở đắc, vì không có sở đắc nên gọi là Phật. Phật tức là không. Có nhân duyên như vậy nên năm uẩn không được tức là Phật. Lìa năm uẩn cũng không có Phật. Vì sao? Vì lìa năm uẩn lại không có pháp gì khác có thể nói được, như lìa năm ngón tay lại không có bàn tay có thể nói được.

Hỏi: Cứ gì không có bàn tay? Hình sắc cũng khác, sức dùng cũng khác, nếu chỉ là ngón tay thì không thể khác? Nhân năm ngón tay hòa hợp nên có bàn tay, bàn tay ấy tuy vô thường, sinh diệt, song không được nói là không có.

Đáp: Bàn tay ấy nếu nhất định có thì trừ năm ngón tay ra lý đáng có bàn tay có thể trông thấy được, mà không cần nhân nơi năm ngón tay? Có các nhân duyên như vậy, lìa năm ngón tay lại không có bàn tay; Phật cũng như vậy, lìa năm uẩn thì không có Phật. Phật không ở trong năm uẩn, năm uẩn không ở trong Phật. Vì sao? Vì sự khác biệt không thể có được. Nếu năm uẩn khác với Phật thì lẽ đáng Phật ở trong năm uẩn, nhưng việc ấy không đúng. Phật cũng chẳng có năm uẩn. Vì sao?

Vì lia năm uẩn không có Phật; lia Phật cũng không có năm uẩn. Thí như Tỳ-kheo có ba y và bình bát, nên có thể nói được là có, nhưng Phật với năm uẩn không được riêng khác, thế nên không được nói Phật có năm uẩn. Nơi năm uẩn như vậy tìm Phật không thể có được, nên biết không có Phật. Phật không có nên không đến không đi.

Hỏi: Nếu không có Phật tức là tà kiến, làm sao Bồ-tát phát tâm cầu làm Phật?

Đáp: Trong đây nói không có Phật là để phá cái vọng tưởng chấp trước Phật, chứ không nói cái vọng tưởng chấp thủ không có Phật. Nếu có Phật còn không để cho chấp thủ, huống nữa là tà kiến chấp thủ không có Phật?

Lại, Phật thường tịch diệt, không có tướng hí luận, nếu người ta phân biệt, hí luận tướng thường tịch diệt thì người ấy rơi vào tà kiến. Lia hai bên có và không ấy, ở vào trung đạo, tức là thật tướng các pháp, thật tướng các pháp tức là Phật. Vì sao? Vì được thật tướng các pháp gọi là được thành Phật!

Lại nữa, sắc pháp v.v... như tướng, tức là Phật; sắc pháp v.v... tính Không là như tướng. Chư Phật như tướng cũng là tính Không, thế nên không đến không đi, không sinh không diệt. Pháp tính, thật tế không, vô nhiễm, tịch diệt, hư không tính cũng như vậy, không đến không đi. Như, cho đến tính hư không như, Phật như, là một như, không hai, không ba sai khác, trong Kinh này tự nói nhân duyên. Vì cỡ gì? Vì ra khỏi pháp số, không có sở hữu. Như v.v... là thật pháp, trong đó không có ức tướng phân biệt, vì chấp thủ tướng nên có danh tự, trong danh tự có số. Trong Kinh đây tự nói nhân duyên: Không chẳng phải thật, vì không có sở hữu.

Hỏi: Nếu pháp ấy không có, thì làm sao có thể thấy, có thể nghe, có khổ, có vui, có trói, có mở, phân biệt sai khác?

Đáp: Trong đây Đàm-vô-kiệt dùng mỗi mỗi phân biệt thí dụ nói: Như ánh trăng cuối Xuân và thấy ánh nắng, cho đến người ấy không phân biệt các pháp hoặc đến hoặc đi. Trong ánh nắng tuy không có nước thật sự mà cũng có thể dỗi gạt mắt người nên sinh ra khổ vui. Các pháp cũng như vậy, tuy không, không có sở hữu, mà cũng có thể làm cho người ta khổ vui, lo mừng; mộng huyễn cũng như vậy.

Lại nữa, Phật có hai thân: Một là sắc thân, hai là pháp thân. Pháp thân là chân thật, sắc thân vì theo nghĩa thế đế nên nói có Phật. Tướng pháp thân, trên kia dùng mỗi mỗi nhân duyên nói là thật tướng các pháp. Thật tướng các pháp cũng không đến không đi, thế nên nói chư

Phật không từ đâu đến và không đi đến đâu. Nếu người có được tướng pháp thân chư Phật thì gọi là gần Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Chưa được Nhất thiết trí nên gọi là gần, vì tương tự. Bát-nhã Ba-la-mật gọi là thật tướng các pháp, nếu hành được như vậy ấy là chân Phật tử hành Bát-nhã Ba-la-mật.

Chân Phật tử là vì được thật tướng các pháp gọi là Phật, và vì được thật tướng các pháp sai khác nên có Tu-đà-hoàn cho đến Bích-chi Phật, Bồ-tát lớn sai khác. Tu-đà-hoàn cho đến Bồ-tát lớn, ấy là chân Phật tử.

Không lường đối ăn của tín thí là bố thí cho súc sinh, tuy được quả báo gấp trăm lần mà phước ấy có hạn lượng cùng tận, không thể độ chúng sinh ra khỏi sinh tử nên gọi là lường đối ăn của tín thí. Tu-đà-hoàn cho đến Phật, các bậc Hiền Thánh nhận sự bố thí của người, quả báo của phước ấy cho đến khi chứng Niết-bàn không có hạn lượng cùng tận, nên nói là không lường đối ăn của tín thí. Người ấy đáng được lãnh thọ sự cúng dường của chúng sinh. Như Tu-đà-hoàn xứng đáng lãnh thọ sự cúng dường của người phàm phu; Tư-đà-hàm xứng đáng lãnh thọ sự cúng dường của người phàm phu cho đến Tu-đà-hoàn; A-na-hàm xứng đáng lãnh thọ sự cúng dường của người phàm phu và Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm; A-la-hán xứng đáng lãnh thọ sự cúng dường của người phàm phu, Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm và A-na-hàm; Bích-chi Phật xứng đáng lãnh thọ sự cúng dường của người phàm phu và Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán. Bồ-tát gần thành Phật xứng đáng lãnh thọ sự cúng dường của người phàm phu và Thanh-văn, Bích-chi Phật.

Vì thế gian làm ruộng phước là như gieo giống vào ruộng tốt, thu hoạch chắc chắn nhiều. Ruộng phước của người trì giới, thiền định, trí tuệ, chúng sinh gieo giống phước vào được quả vô lượng.

Ở trên nói, chư Phật không đến, không đi. Tát-đà-ba-luân và các thính giả ý cho rằng, chư Phật còn không có, các pháp lẽ đáng cũng đều diệt, thì rơi vào đoạn diệt! Thế nên nay nói nhân duyên thí dụ. Đàm-vô-kiệt mở bày cho Tát-đà-ba-luân rằng: Như chỗ ông chấp trước, ý cho rằng cái thật có là không có, vì độ chúng sinh nên từ nhân duyên hòa hợp có hình tượng hiện ra. Muốn chứng minh để làm rõ việc ấy nên nói thí dụ: Như châu báu sinh ra trong biển, nó không từ mười phương đến, khi diệt không đi đến đâu, cũng chẳng phải không có nhân duyên mà sinh. Chánh do nhân duyên phước đức của chúng sinh trong bốn châu thiên hạ nên trong biển lớn sinh ra châu báu ấy. Nếu khi kiếp tận thì nó không có chỗ đi; thí như đèn tắt lửa không đi đến đâu. Thân Phật cũng

như vậy, từ khi mới phát tâm gieo trồng căn lành, đều là nhân duyên của tướng tốt thân Phật. Thân Phật cũng chẳng tự tại, vì đều thuộc nhân duyên nghiệp quả báo sinh. Nhân duyên ấy tuy trú lâu song tính nó là pháp hữu vi nên chắc chắn trở về với vô thường tan hoại, không có thân; thí như người giỏi bắn mà ngược mặt bắn lên hư không, mũi tên đi xa mà chắc chắn sẽ rơi xuống đất. Thân Phật cũng như vậy, tuy tướng tốt chói sáng mà do phước đức thành tựu, danh xưng vô lượng nên độ người vô lượng, cũng quy về tiêu diệt.

Hỏi: Nếu do nhân duyên phước đức của chúng sinh nên trong biển lớn sinh ra châu báu, cố gì không sinh ra gần chỗ chúng sinh mà lại sinh ra ở giữa biển lớn, là nơi khó kiếm được?

Đáp: Trong biển cũng có chúng sinh, như rồng và A-tu-la v.v... sử dụng châu báu ấy.

Lại nữa, nếu châu báu sinh trong đời xấu ác của loài người thì kẻ tham lam che giấu, không cho người có được. Nếu ở vào đời tốt đẹp, châu báu tự sinh trong cõi người, không có ai tham tiếc, như thời kỳ đức Phật Di-lặc, châu báu xem như ngói gạch. Vì người giải đãi, lười biếng tiếc thân, cố mong tìm vui, nên châu báu ở trong biển không thể tìm được. Nếu người có tâm lớn, không tiếc thân mạng, siêng năng tìm kiếm thì dễ được. Nước trong biển lớn ví dụ cho cõi nước trong mười phương sáu nẻo, các châu báu tức là chư Phật. Như châu báu vì chúng sinh nên phát sinh, nhưng người giải đãi, biếng nhác thì không thể có được. Chư Phật cũng như vậy, tuy vì chúng sinh mà ra đời, song những người vì giải đãi, tiểu tâm, tiếc thân, chấp đắm vào ngã nên cũng không được độ. Vì sao? Vì các pháp đều do nhân duyên hòa hợp sinh.

Chúng sinh có hai nhân duyên được độ: Một là bên trong có chánh kiến; hai là bên ngoài gặp được người khéo thuyết pháp. Chư Phật tuy khéo thuyết pháp mà chúng sinh bên trong chánh kiến không đầy đủ nên Phật không thể độ hết. Như châu báu tuy vì chúng sinh mà xuất hiện, song vẫn có chúng sinh nghèo cùng; chư Phật cũng như vậy, tuy vì chúng sinh xuất hiện, song chúng sinh bên trong chánh kiến ít nên cũng không được độ. Lại ví dụ như đàn Không hầu, có thùng, có cổ, có da, có dây, có trục, có người lấy tay gảy, đủ các duyên như vậy hòa hợp thì có tiếng. Tiếng ấy cũng không ở trong các duyên, mà lia các duyên cũng không có tiếng. Do nhân duyên hòa hợp nên có tiếng có thể nghe. Thân Phật cũng như vậy, do các nhân duyên sáu Ba-la-mật và sức phương tiện hòa hợp nên có. Thân Phật không ở trong sáu Ba-la-mật và sức phương tiện, cũng không lia sáu Ba-la-mật và sức phương tiện.

Như tiếng không do một nhân duyên, cũng chẳng phải không có nhân duyên. Thân Phật cũng như vậy, không từ chỗ không có nhân duyên, cũng không từ chỗ chút ít nhân duyên, mà phải đầy đủ các nhân duyên pháp lành nên sinh ra thân Phật. Như tượng trong gương đủ nhân duyên hòa hợp nên có, nhân duyên ly tán nên không; thân Phật cũng như vậy, có đủ nhân duyên nên xuất hiện, nhân duyên ly tán nên diệt. Này thiện nam tử! Nên như vậy quán tưởng đi, đến của chư Phật. Hết thấy pháp tướng cũng nên biết như vậy. Đàm-vô-kiệt nói với Tát-đà-ba-luân rằng: “Ông có thể biết tướng các pháp không đến không đi thì chắc chắn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không thoái chuyển, cũng có thể hành Bát-nhã Ba-la-mật và sức phương tiện. Vì sao? Vì hết thấy pháp không hề có gì chướng ngại.”

Hỏi: Trời Đế-thích vì sao hóa làm hoa Mạn-đà-la đem cho Tát-đà-ba-luân?

Đáp: Trời Đế-thích vì ưa vui Phật đạo nên thường cung kính các Bồ-tát.

Lại nữa, trời Đế-thích muốn nhiếp thủ chúng sinh vào trong Phật đạo nên hiện thân vua trời đem hoa cho Tát-đà-ba-luân. Tát-đà-ba-luân nhất tâm cầu Phật đạo nên chư Thiên đến cúng dường, chúng sinh trông thấy cũng đều phát tâm. Trời Đế-thích vì dẫn đường cho chúng sinh nên cúng dường Tát-đà-ba-luân. Có người nói: Trời Đế-thích rất ái kính Tát-đà-ba-luân, mà cách cao nhất là đi đến thử, thử rồi làm cho thân thể người ấy trở lại bình phục, nay lại lấy hoa đem cho. Sức của trời Đế-thích có thể cho hoa mọi người, vì chúng sinh không có phước dù có cho hoa cũng liền biến hoại. Tát-đà-ba-luân đã thành tựu phước đức nên được hoa thì chắc chắn không biến hoại; vì thế nên đem cho. Nếu các Bồ-tát khi cúng dường thấy không cúng hết thì nên cho người thủ hộ cúng dường.

Trước đã nói nhân duyên rằng cắt thịt ra máu là cốt để thử, vì làm thân thích lâu ngày nên thử hộ.

Lại nữa, trời Đế-thích, như ở trong Kinh này tự nói nhân duyên: Vì sức nhân duyên của ông nên làm lợi ích cho trăm ngàn vạn ức chúng sinh. Tát-đà-ba-luân nhận lấy hoa, theo ý nguyện mà cúng dường Đàm-vô-kiệt. Tát-đà-ba-luân lúc đầu nghe danh thầy, sau mắt thấy, tai nghe pháp thì dứt hết nghi, nên đem thân cúng dường. Người con gái của vị trưởng giả cũng bắt chước Tát-đà-ba-luân, đem thân thí cho Tát-đà-ba-luân.

Hỏi: Tát-đà-ba-luân đem thân cúng dường Đàm-vô-kiệt vì ruộng

phước Đàm-vô-kiệt lớn, cố gì người con gái không đem thân cúng dường Đàm-vô-kiệt mà lại đem cho Tát-đà-ba-luân?

Đáp: Trí người con gái ngẩn ngủ mà tâm ái trước nhiều, nên không đem cúng dường bốn sư mà đem cho người khác. Lại, vì thân người nữ tội uế, tâm tuy trong sạch mà bên ngoài có chỗ chê bai.

Hỏi: Người con gái trưởng giả lúc đầu rời bỏ cha mẹ rồi làm quyến thuộc của Tát-đà-ba-luân, nay cố gì lại đem thân bố thí?

Đáp: Lúc đầu rời bỏ cha mẹ cùng Tát-đà-ba-luân đi đến chỗ Đàm-vô-kiệt, vì pháp nên cúng dường, cũng không tự đem thân mình bố thí. Cha mẹ cũng không đem bố thí cho Tát-đà-ba-luân. Nay thấy Tát-đà-ba-luân hỏi lý nghĩa sâu xa, Đàm-vô-kiệt giải nói, trời Đế-thích hoan hỷ cúng dường, thế nên người con gái của vị trưởng giả phát tâm hoan hỷ, đem thân cúng dường vì tâm tự tại. Lại, hết thấy thân người nữ không có chỗ hệ thuộc thì mang tiếng xấu. Thân thể người nữ khi nhỏ thì theo cha mẹ, khi trẻ thì theo chồng, khi già thì theo con. Người con gái của vị trưởng giả ấy tuy cùng một đường đi đến mà không được phép lâu ngày không có sở thuộc, thế nên tự đem mình bố thí, nguyện rằng: Như những điều thầy chứng được, chúng con cũng sẽ chứng được.

Bấy giờ Tát-đà-ba-luân muốn đem người con gái ấy cúng dường Đàm-vô-kiệt, nhưng còn sợ người nữ ấy hiềm hận nên nói: “Các chị thật đem thân cúng dường thì tôi sẽ nhận các chị.”

Thành tâm là không tự mình dụng tâm, mà tùy người khác phân xử, như vật vô tâm. Các người nữ đáp rằng thật do thành tâm. Tức thì Tát-đà-ba-luân đem người con gái của vị trưởng giả và các người hầu gái cùng năm trăm cỗ xe dâng lên Đàm-vô-kiệt. Đàm-vô-kiệt muốn trừ cái nghi thường tình của thế gian cho rằng người kia dối gạt trưởng giả, nên đem các người con gái đến mà bố thí tất cả, rõ ràng đã không đắm trước.

Lại nữa, Tát-đà-ba-luân nhờ tiếng nói giữa hư không, nên nghe rồi hiểu được, hoan hỷ, như điều yêu quý của người đời, cả vật bên trong, bên ngoài đều đem cúng dường, vì muốn đi vào sâu cửa bố thí Ba-la-mật. Trời Đế-thích biết Tát-đà-ba-luân chưa sạch hết các phiền não tham ái mà có thể thí xả hết vật trong ngoài, không còn sót lại gì, nên khen ngợi rằng lành thay và đem việc Phật quá khứ làm thí dụ. Vì làm được việc khó làm nên được quả báo khó được, đó là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Hỏi: Nếu Đàm-vô-kiệt muốn làm cho căn lành bố thí của Tát-đà-ba-luân đầy đủ nên lãnh thọ cúng dường, cố gì trở lại đem cho Tát-đà-

ba-luân?

Đáp: Đàm-vô-kiệt có đại trí phương tiện làm cho Tát-đà-ba-luân được phước đức lớn, không bị mất, ấy là sự lãnh thọ cao thượng. Tát-đà-ba-luân rất thành tâm bố thí, dứt các tham trước, không mong được trả lại nên đầy đủ phước đức. Đàm-vô-kiệt suy nghĩ : Tát-đà-ba-luân từ xa đi đến mà đối với năm dục tâm không nhiễm trước; và người trước đây đã biết cúng dường tức là người thiện, thế nên đem cho trở lại.

Lại nghe các người nữ trước đem thân dâng cho Tát-đà-ba-luân là người chứ không phải tài vật, vì muốn toại bốn ý họ.

Lại nữa, các người nữ đời đời làm đệ tử Tát-đà-ba-luân; có các nhân duyên như vậy nên đem cho trở lại Tát-đà-ba-luân.

Hỏi: Các Bồ-tát lớn thuyết pháp không nên mệt nhọc, cơ sao còn vào cung?

Đáp: Vì theo pháp của người đời. Lại, chúng sinh trong thành Chúng hương không thường cầu đạo, có khi nhàm chán, ưa hưởng thọ năm dục. Chư Thiên vì thường hưởng thọ năm dục nên ngăn ngại, phớt bỏ việc cầu đạo. Có cõi nước của Bồ-tát ở thường siêng tinh tấn, không hưởng thọ năm dục, còn bản nguyện của chúng sinh trong thành Chúng hương hưởng thọ lẫn lộn. Bồ-tát theo chí nguyện của họ, vì muốn dẫn dắt họ nên sinh vào nước ấy. Thế nên, vì chúng sinh nghe Pháp mệt mỏi nên Bồ-tát đứng dậy đi vào trong cung.

Lại, người chưa đắc đạo thì pháp tuy vi diệu mà thường nghe cũng dễ sinh tâm mỏi mệt nhàm chán; trong chúng này có những người như vậy.

Lại, Bồ-tát Đàm-vô-kiệt ở trong nước này hưởng thọ giàu vui, theo pháp của người đời, khi mặt trời lặn nên nghỉ ngơi.

Khi ấy Tát-đà-ba-luân nghĩ rằng: Ta vì Pháp nên đi đến, không nên ngồi, nằm.

Hỏi: Vì Pháp, cơ gì không nên ngồi nằm?

Đáp: Không có pháp nhất định ấy. Người ấy rất ước muốn, rất tinh tấn. Vì cung kính Pháp nên tự nghĩ rằng: Ta nếu nằm ngồi thì là biếng nhác. Khi mới đầu cầu Pháp, ta còn không tiếc thân mạng, huống nữa mệt mỏi, nên không ngồi, nằm. Ước muốn tinh tấn lớn ngược lại với việc ngồi, nằm.

Lại, ngồi nằm thì không gắng sức; đi và đứng thì gắng sức siêng năng, nên thường dùng hai oai nghi ấy để chờ thầy khi đi ra.

Hỏi: Tát-đà-ba-luân trước đã biết bảy năm thầy không đi ra chăng?

Đáp: Lúc mới đến không biết.

Lại, Bồ-tát Đàm-vô-kiệt cũng thường bảy năm không đi ra. Vì nhân duyên nên tự thề bảy năm vào định. Tát-đà-ba-luân tự thề rằng: Thầy chưa đi ra thì ta không bao giờ ngồi.

Lại, theo pháp thế gian thì người lớn còn không tự trái với mình, huống nữa vì đạo Pháp!

Lại, lúc mới cầu Pháp còn không tiếc thân mạng, huống gì nay đứng bảy năm thì đâu đủ là khó!

Hỏi: Thân người mềm yếu, làm sao có thể bảy năm không ngồi, không nằm?

Đáp: Người lúc ấy mạng sống rất lâu, tuy bảy năm mà như nay bảy ngày. Lại, thân người trong đời tốt đẹp có sức phước đức lớn, tuy đứng luôn bảy năm mà không cho là khó. Như Hiếp Tỳ-kheo năm sáu mươi tuổi mới xuất gia mà tự cam kết là lưng ta không dính chiếu, phải được hết mọi việc đáng được của hàng Thanh-văn cho đến được thành A-la-hán đủ sáu thần thông, tạo bộ kinh luận nghị trong bốn A-hàm, đến nay còn lưu hành rộng rãi trong đời. Vị Tỳ-kheo ấy ở đời xấu ác mà còn được như vậy, huống nữa là Tát-đà-ba-luân sinh ở đời tốt đẹp! Lại, sức của thân tuy yếu mà sức của tâm mạnh, nên có thể làm thành công việc.

Lại nữa, người nhất tâm cầu Phật đạo được mười phương Phật hộ niệm rằng: Các đại Bồ-tát và chư thiên cầu Phật đạo sẽ làm tăng ích khí lực cho người ấy, bao quanh thủ hộ, nên tuy trụ đứng bảy năm mà không mỏi mệt.

Hỏi: Bồ-tát Đàm-vô-kiệt vào tam-muội, vì cố gì cho đến bảy năm?

Đáp: Như trước đã đáp: Người sinh trong đời tốt đẹp sống rất lâu, tuy bảy năm mà không cho là lâu.

Lại, Đàm-vô-kiệt có cung điện, thể nữ vi diệu, đủ năm dục giống như trời. Tát-đà-ba-luân mới phát tâm nên tâm chưa nhu nhuyễn, nghi Đàm-vô-kiệt tuy thuyết pháp Không, tán thán ly dục mà tâm mình chưa thể xả bỏ. Bảy năm vào tam-muội ấy vì muốn trừ nghi cho chúng sinh nên sinh tâm quý kính. Nghe Đàm-vô-kiệt bảy năm vào tam-muội, tâm và miệng khế hợp nhau, nói được, làm được thì người ta tin thọ lời kia, có thể dễ được độ. Thí như mọt nhọt chưa chín muối thì thầy thuốc không phá được, chỉ dùng thuốc bôi, làm cho chín muối mới dễ phá.

Lại nữa, vì muốn tâm hưởng thọ phát sinh cái vui chân thật, nên vào vô lượng tam-muội. Lại, thuyết pháp có hai: Một là miệng thuyết

pháp; hai là thân hiện pháp. Nay muốn lấy thân hiện pháp nên vào vô lượng tam-muội, khiến chúng sinh biết nhiếp tâm vào tuệ mà được trí như thật.

Bồ-tát tam-muội là như đã nói trong nghĩa Bồ-tát trước kia.

Hành Bát-nhã và sức phương tiện là như đã nói trong phẩm Phương tiện trước kia.

Tát-đà-ba-luân trong bảy năm mà ba thứ ác giác quán không sinh, không nhiễm đắm vào ý vị. Người ấy tuy chưa phá phiền não mà vì nhóm các pháp lành nên chế phục các phiền não không cho phát sinh, chỉ phát sinh một niệm: Lúc nào Đàm-vô-kiệt sẽ đi ra, ta sẽ theo nghe Bát-nhã.

Qua bảy năm rồi, nghĩ rằng: Ta sẽ trải tòa cho Bồ-tát Đàm-vô-kiệt và quét rửa làm cho trang nghiêm.

Hỏi: Tát-đà-ba-luân làm thế nào biết được qua bảy năm rồi Đàm-vô-kiệt sẽ đi ra?

Đáp: Có người nói: Trước từng bảy năm triển chuyển nghe biết. Có người nói: Đàm-vô-kiệt khi mới vào tam-muội, tự nói rằng: Hạn trong bảy năm. Như đức Phật Thích-ca-văn-ni bảo A-nan: Ta muốn vào thiền định một tháng, hai tháng. A-nan bảo lại với bốn chúng. Tát-đà-ba-luân rất mến mộ Phật pháp, kính trọng Bồ-tát Đàm-vô-kiệt nên cúng dường, trang nghiêm chỗ thuyết pháp. Hàng Bồ-tát xuất gia chỉ trang nghiêm tâm mình để đi đến pháp sư thọ pháp; hàng Bồ-tát tại gia thì trang nghiêm chỗ thuyết pháp, cúng dường hoa hương.

Lại nữa, Tát-đà-ba-luân trang nghiêm như vậy là muốn để Đàm-vô-kiệt biết dấu hiệu mình ái mộ Pháp, ham muốn Pháp, thâm tâm tin vui, nên hiện ra việc ấy; thế nên sinh tâm, cùng với năm trăm người con gái, thay nhau tưới quét, tự đem vàng bạc, châu báu trải lên trên tòa. Tát-đà-ba-luân tuy tự mình có chần, nệm đẹp đẽ, song vì tâm ái mộ Pháp thiết tha nên lấy áo trên thân mình đang mặc mà trải trên tòa, tìm nước tưới đất, bị ma che lấp nên không thể tìm được. Trong Kinh này tự nói nhân duyên: Ma nghĩ rằng, nếu Tát-đà-ba-luân tìm nước không được thì tâm kia sẽ mềm yếu, chí nguyện không đầy đủ. Lại để cho tự khinh khi thân mình rằng, vì ta phước đức mỏng nên muốn cúng dường Pháp mà tìm nước không có được. Do sự tự khinh nên ưu sầu che lấp tâm.

Phước đức không tăng trưởng, trí tuệ không chiếu sáng là vì các phiền não ưu sầu che tâm nên phước đức trí tuệ không thể chiếu sáng. Thí như mặt trời bị chướng ngại nên ánh sáng không rõ ràng. Ma biết

tâm người đó lớn, không thể làm trở ngại, chỉ làm trở ngại chút ít, làm cho người ấy đình trệ.

Bấy giờ Tát-đà-ba-luân tự cắt thân mình ra máu để rưới đất, muốn làm cho sạch bụi. Máu thịt người tuy hôi, song vì chí tâm tìm nước không được, ý không phân biệt thơm thối, tốt xấu mà vì muốn sạch bụi nên không tiếc thân mạng.

Lại, Tát-đà-ba-luân tâm sâu xa ưa đấm Bát-nhã Ba-la-mật nên không yêu tiếc gì. Có người nói: Có nhiều trời, rồng, quý, thần thường đi theo Tát-đà-ba-luân thủ hộ giúp đỡ, thế nên máu chảy ra biến thành nước thơm. Như tiên nhân Sần-đề lúc bị cắt xẻ, máu biến thành sữa. Lại, vì thành tựu vô lượng phước đức nên theo nguyện được thành.

Hỏi: Nếu phước đức thành tựu, theo nguyện liền được thành thì ma không thể che giấu nước?

Đáp: Bồ-tát ấy mới phát tâm, có thể thành nguyện nhỏ mà chưa thể trừ ma. Trong Kinh này, Tát-đà-ba-luân tự nói nhân duyên chảy máu rằng: Ta từ vô thủy sinh tử lại đây, nhiều lần tan thân mà chưa từng vì Pháp.

Hỏi: Nếu Tát-đà-ba-luân yêu mến Pháp, cắt thân ra máu, nếu thân kia chết đi thì còn ai nghe Pháp?

Đáp: Việc ấy đã đáp như trong đoạn rạch xương, lấy tủy. Lại, trong đây được chư Thiên và Đại Bồ-tát thủ hộ nên làm cho người kia không chết. Lại, ác ma biết tâm người kia không thể phá hoại thì nước trở lại chảy ra.

Tát-đà-ba-luân v.v... đều không có tâm khác là, như người lúc đầu thực tập tâm từ, muốn vì chúng sinh và vì Bát-nhã Ba-la-mật nên không tiếc thân mạng. Nhưng đến khi có được dao bén cắt thân thì sợ đau đớn, sinh tâm hối hận, ấy gọi là tâm khác. Bồ-tát ấy có sức tin lớn nên muốn được quả báo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên không kể cái khổ ấy. Lại, vì tâm bi sâu xa, ái niệm chúng sinh, tuy chịu các khổ não mà không cho là khó. Thí như mẹ hiền thương con, tuy vì con chịu khổ nhọc, bất tịnh mà không cho là nhớp. Lại thấy thật tướng các pháp rốt ráo không, nên biết thân này chỉ là hòa hợp, hư dối. Vì phá cái hư dối ấy nên khi cắt xẻ thân, không làm chướng ngại Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Ma không được phá hoại dễ dàng là như người có mụn thì chịu chất độc. Bồ-tát nếu có mụn tham dục ưu sầu, thì ma được dễ dàng phá hoại. Vì lấy máu chảy rưới đất mà tâm không ưu sầu nên ma không được dễ dàng phá hoại. Như tâm Tát-đà-ba-luân, tâm năm trăm người con gái

cũng như vậy, kính trọng Tát-đà-ba-luân nên thấy người cắt thân lẽ đáng có ưu não, song vì người ấy được thỏa nguyện nên không lấy làm buồn.

Bấy giờ trời Đế-thích thấy việc đó rồi tán thán chưa từng có. Người ấy chưa được Vô sinh nhẫn, các phiền não chưa dứt mà vì cúng dường Pháp nên không tiếc thân mạng, như người đã lia dục, khi bị cắt xẻ thân mạng như cắt cây cỏ. Tâm ban đầu đã vậy thì tâm sau càng mạnh hơn.

Lại nữa, chưa từng có là trong đây trời Đế-thích tự nói nhân duyên rằng: Tát-đà-ba-luân ái mộ Pháp đến như vậy, lấy dao tự cắt mình. Tâm trời Đế-thích hoan hỉ rồi, khen rằng lành thay. Khen người kia vì ái mộ Pháp, vui Pháp, tâm siêng tinh tấn nên đem việc mà nói. Phật quá khứ làm ví dụ, nói rằng: Chẳng phải chỉ ngày nay khổ nhọc, mà chư Phật quá khứ khi cầu Bát-nhã Ba-la-mật cũng khổ nhọc như vậy. Tát-đà-ba-luân nghe trời Đế-thích an ủi tâm mình rồi, như lửa được mỡ thì càng thêm rực cháy, nghĩ rằng: Ta đã trải tòa, quét đất, sẽ ở chỗ nào ta tìm được danh hoa để trang nghiêm chỗ thuyết pháp?

Hỏi: Khi không thấy nước, cơ sao không nghĩ rằng sẽ tìm nước ở đâu để rưới đất?

Đáp: Tát-đà-ba-luân trước biết chỗ có nước mà tức khắc lại đều không có, nên biết bị ma làm trở ngại. Thế nên, tự mình lấy thân gồm bốn phần đại, cắt lấy huyết là phần thủy đại để rưới đất. Phần thủy đại trong thân tuy nhiều mà máu là thứ mạng sống, nên cắt lấy rưới đất. Tự mình không có hoa, nên khi Đàm-vô-kiệt đi ra sắp đến, không thể đi tìm nơi xa, lại cần dùng nhiều để rải khắp trên đất. Thế nên sinh ý nghĩ muốn có được. Trời Đế-thích biết ý nghĩ của người kia, liền lấy thứ hoa đẹp nhất trong hoa trời là Mạn-đà-la đầy ba ngàn đầu đem cho, đủ để rải khắp. Sở dĩ trời Đế-thích không lấy hoa người đem cho là vì muốn làm cho phát tâm hy hữu. Tát-đà-ba-luân nhận hoa xong chia làm hai phần: Phần tốt giữ lại để khi thuyết pháp đem rải, còn phần khác thì rải trên đất. Theo pháp thông thường của nước ấy, lấy hoa rải trên đất để đi trên đó, thế là cúng dường.

Bấy giờ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt như điều đã ước trước kia, đủ bảy năm xong từ tam-muội dậy, cùng với vô lượng trăm ngàn chúng cung kính vây quanh, đi thẳng đến Pháp tòa, vì chúng nói Bát-nhã.

Hỏi: Nếu các Bồ-tát vào tam-muội vì diệu thì ai làm cho khởi dậy?

Đáp: Hành giả lúc mới vào tự hẹn thời hạn, sau đó mới vào định. Khi thời hạn đến, tâm kia tự nhiên từ tam-muội dậy. Vì bi tâm nên sinh

giác quán. Có một Tỳ-kheo khi vào Diệt thọ tướng định, tự mình hẹn thời hạn rằng, khi nghe tiếng kiền chùy sẽ khởi định. Khi đã vào định xong, lúc ấy phòng Tăng bị lửa cháy. Các Tỳ-kheo hoảng sợ, không đánh kiền chùy mà bỏ đi. Bấy giờ qua mười hai năm rồi, đàn-việt lại họp chúng Tăng, muốn dựng lại căn phòng mới đánh kiền chùy. Khi nghe tiếng kiền chùy thì Tỳ-kheo từ định khởi dậy, lúc ấy thân liền tan rã mà chết. Những người đắc đạo về sau nói lại việc như vậy.

Lại nữa, có người nói: Thân đại Bồ-tát là thân do pháp tính mà sinh. Như chư Phật thường vào tam-muội, không có tâm thô tán loạn, vì sức thần thông nên có thể thuyết pháp và bay đi độ thoát chúng sinh. Vì theo pháp thế tục nên có tướng vào định, ra định. Thế nên, tuy vào tam-muội vi diệu mà có thể ra trở lại, vì có tâm đại bi dẫn dắt; thí như chú thuật khiến cho rồng bay ra.

Đại chúng vây quanh là nội quyến thuộc cung kính rải hoa, đốt hương, theo sau mà đi ra, vì họ mà nói Bát-nhã Ba-la-mật.

Nói Bát-nhã Ba-la-mật là nhân theo danh từ, ngôn ngữ thế đế, muốn mở bày tướng bất động của đệ nhất nghĩa đế cho chúng sinh. Tát-đà-ba-luân thấy Đàm-vô-kiệt liền được tâm hoan hỷ, thanh tịnh, hỷ lạc chạy khắp mình, như Tỳ-kheo khi vào thiền thứ ba. Vì sao? Vì chúng sinh nhiều tham muốn, tuy chẳng phải tịnh diệu mà khi được còn hỷ lạc hưởng nữa là người đã được trông thấy thân trang nghiêm có công đức chân thật!

Tát-đà-ba-luân từ thân Phật giữa hư không nghe nói Đàm-vô-kiệt liền sinh ước muốn lớn, được các tam-muội. Thấy chư Phật mười phương, lại nghe mười phương chư Phật nói nhân duyên đời trước: Chỉ có Đàm-vô-kiệt có thể độ cho ông. Nghe như vậy rồi tâm người ấy tăng ích, khát ngưỡng muốn trông thấy, nên giữa đường muốn bán thân để cúng dường. Nay ở trong thành Chúng hương, bảy năm không ngồi không nằm là vì muốn trông thấy Đàm-vô-kiệt như tâm khát ngưỡng dục lạc mà dục lạc lại đến chậm, như người bị nóng khát bức bách, dù gặp được nước đục, nóng vẫn còn hoan hỷ, hưởng nữa là gặp nước ngon, trong, mát? Đã vì lòng khát ngưỡng lâu ngày, lại công đức của Đàm-vô-kiệt lớn, thế nên khi gặp được thật là vui mừng.

Hỏi: Vui có bốn thứ, cơ gì đây chỉ nói cái vui ở thiền thứ ba mà không nói đến cái vui định của các bậc trên và cái vui giải thoát?

Đáp: Vì chúng sinh cõi Dục đối với ba thọ phần nhiều ham cái cảm thọ vui, nghe cái vui Niết-bàn không có sở hữu, thì tâm không vui mừng. Vì bốn thiền dứt khổ, lạc thọ, nên tâm cũng không vui; cái vui

trong thiền thứ ba là cái vui cùng cực.

Lại, có người nói: Tát-đà-ba-luân mới phát tâm, chưa vào được định thâm tế, vì diệu, nên thấy Đàm-vô-kiệt liền phát sinh hoan hỷ, như vào thiền thứ ba. Tát-đà-ba-luân tự biết mình có hoan hỷ lớn, nên tức thì bỏ hỷ, được pháp tính thanh tịnh, sự an lạc chạy khắp mình, thế nên đem cái vui ở thiền thứ ba để ví dụ.

